

Số: **03** /2016/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2016

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng,
cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật
được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 8 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 775 hoạt chất với 1678 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 608 hoạt chất với 1297 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 227 hoạt chất với 694 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ chuột: 10 hoạt chất với 28 tên thương phẩm.
 - Thuốc điều hoà sinh trưởng: 50 hoạt chất với 142 tên thương phẩm.
 - Chất dẫn dụ côn trùng: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.
 - Thuốc trừ ốc: 27 hoạt chất với 144 tên thương phẩm.
 - Chất hỗ trợ (chất trái): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.
- b) Thuốc trừ mối: 14 hoạt chất với 20 tên thương phẩm.
- c) Thuốc bảo quản lâm sản: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.
- d) Thuốc khử trùng kho: 4 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.
- đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:
- Thuốc trừ sâu: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.
 - Thuốc trừ bệnh: 3 hoạt chất với 3 tên thương phẩm.
 - Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.
 - Thuốc điều hoà sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.
- e) Thuốc xử lý hạt giống:
- Thuốc trừ sâu: 12 hoạt chất với 16 tên thương phẩm.
 - Thuốc trừ bệnh: 10 hoạt chất với 11 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II kèm theo Thông tư này, gồm:

- a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 21 hoạt chất.
- b) Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất.
- c) Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất.
- d) Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất.

3. Bảng chi tiết mã HS thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **6** tháng **6** năm 2016.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 03/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/1/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam;

b) Thông tư số 34/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/1/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ liên quan;
- Tổng Cục Hải quan;
- Chi cục BVTV các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, BVTV (.3.02.bản).



Cao Đức Phát